

Bản án số: 22/2022/TLST-DS.

Ngày: 12/12/2022.

Về việc: *T/c hợp đồng vay tài sản.*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ BÌNH, TỈNH THÁI NGUYÊN  
Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Ông Phạm Quang Thái.

*Các hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Dương Viết Vĩnh.

2. Ông Nguyễn Văn Hoi.

*Thư ký ghi biên bản phiên toà:* Ông Nguyễn Văn Giáp -Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú B, tỉnh Thái Nguyên.

*Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Phú B:* Không tham gia.

Ngày 12/12/2022, tại hội trường xét xử Toà án nhân dân huyện Phú B, tỉnh Thái Nguyên. Xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 32/2022/TLST - DS ngày 04 tháng 10 năm 2022, về tranh chấp hợp đồng vay tài sản, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2022/QĐXXST-DS ngày 11 tháng 11 năm 2022 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Ngô Thị H, sinh năm 1980 (Có mặt).

Trú tại: Tổ 2, thị trấn H, huyện Phú B, tỉnh Thái Nguyên.

- **Bị đơn:** Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1976 (Có mặt).

Trú tại: Tổ 1, thị trấn H, huyện Phú B, tỉnh Thái Nguyên.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

1. Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn Chị Ngô Thị H khai: Do có mối quan hệ quen biết nên ngày 03/9/2016, chị có cho Chị Nguyễn Thị T; trú tại: Tổ 1, thị trấn H, huyện Phú B vay một khoản tiền là 380.000.000đ. Có viết giấy biên nhận, thỏa thuận đến ngày 03/12/2016 chị Thìn sẽ trả chị số tiền trên. Trên giấy vay tiền ngày 03/9/2016, chị Thìn tự viết là không tính lãi suất, nhưng do từ ngày vay đến nay

chị Thìn không trả cho chị được lần nào trong số tiền gốc. Nên chị yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Phú B tính lãi suất đối với số tiền trên từ tháng 10/2016 đến thời điểm giải quyết theo quy định của pháp luật.

2. Theo Chị Nguyễn Thị T khai: Giữa chị với Chị Ngô Thị H có mối quan hệ quen biết. Năm 2012 (không nhớ ngày tháng), chị có vay của Chị Ngô Thị H số tiền là 250.000.000đ, lãi suất 7,5%/tháng, có viết giấy biên nhận. Sau khi vay tiền của chị H, chị đã trả trả được tiền lãi cho chị H được khoảng 5 tháng, khi trả lãi không viết giấy biên nhận với nhau. Đến cuối năm 2012 thì chị không trả được tiền lãi cho chị H nữa.

Đến năm 2016, chị với chị H có bàn bạc với nhau, chị H có đưa chị đi đến một số địa chỉ để chị vay tiền họ để trả cho chị H, nhưng không vay được tiền. Đến ngày 03/9/2016, chị với chị H quyết toán số tiền chị còn nợ chị H là 380.000.000đ, chị có viết 01 giấy biên nhận nợ số tiền trên với chị H, thỏa thuận sau 03 tháng thì sẽ trả hết số tiền trên cho chị H.

Sau thời điểm đó một thời gian, chị H có đưa chị Lương Thị N sinh sống tại cầu Ca, xã Kha Sơn, huyện Phú B đến nhà chị để bảo chị chơi phường với chị N để lấy tiền phường trả cho chị H (Giữa chị với chị N không quen biết nhau, không có quan hệ gì từ trước cho đến khi chị H đưa chị N đến nhà chị). Sau đó chị có đóng tiền phường cho chị N được khoảng 15 tháng, khi đóng tiền cho chị N chị có ký vào sổ của chị N, chị N khi lấy tiền phường của chị có ký vào sổ của chị (Chị sẽ nộp tài liệu này cho tòa án vì hiện nay chị chưa tìm thấy). Chị N lấy tiền phường của chị để trả cho chị H, việc chị H nhận tiền từ chị N có ký giấy nhận tiền với nhau không thì chị không nắm được.

Nay do làm ăn thua lỗ, chị xin trả cho chị H một khoản tiền là 150.000.000đ và không tính lãi suất.

Tại phiên tòa chị Thìn có ý kiến sẽ trả cho chị H số tiền 380.000.000đ tiền gốc và xin được trả dần cho chị H.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng không thành nên vụ án phải đưa ra xét xử công khai ngày hôm nay.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

**- Về tố tụng:**

[1]. Xác định quan hệ pháp luật: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số tiền gốc đã vay còn nợ. Nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật trong vụ án là : “ *Tranh chấp hợp đồng vay tài sản* ” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ Luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án Dân sự quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn có nơi cư trú tại thị trấn H, huyện Phú B. Nên thuộc thẩm quyền Tòa án giải quyết theo quy định tại khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. Tài liệu chứng cứ: 01 đơn khởi kiện của chị H đối với chị Thìn; 01 giấy vay tiền giữa Chị Nguyễn Thị T với Chị Ngô Thị H 03/9/2016; 01 chứng minh nhân dân của chị H; 01 sổ hộ khẩu của gia đình chị H.

**- Về nội dung:**

[4]. Về việc xác lập và thực hiện hợp đồng: Ngày 03/9/2016, Chị Ngô Thị H và Chị Nguyễn Thị T có giao dịch hợp đồng vay tài sản, hai bên có lập biên bản hợp đồng vay tiền. Nội dung hợp đồng thể hiện chị Thìn có vay của chị H số tiền 380.000.000 đồng, thời hạn trả vào ngày 03/12/2016, hai bên thỏa thuận trong thời gian vay từ ngày 03/9/2016 đến ngày 03/12/2016 sẽ không tính lãi. Tuy nhiên đến hạn trả tiền, chị Thìn không thực hiện đúng theo thỏa thuận của hợp đồng, nên chị H đã khởi kiện chị Thìn đến Tòa án nhân dân huyện Phú B, tỉnh Thái Nguyên.

Quá trình giải quyết tại Tòa án, chị Thìn xác định vào năm 2012, chị có vay của chị H số tiền là 250.000.000đ, lãi suất 7,5%/tháng, sau khi vay chị có trả lãi được cho chị Thìn 05 tháng. Đến ngày 03/9/2016, chị Thìn với chị H có ngồi quyết toán với nhau và xác định chị Thìn còn nợ chị H số tiền là 380.000.000đ, chị Thìn có viết giấy biên nhận mới cho chị H. Sau đó chị H có đưa chị Lương Thị N; trú tại cầu Ca, xã Kha Sơn, huyện Phú B đến nhà chị rủ chơi phường, chị Thìn có đóng được 15 tháng tiền phường cho chị N. Chị N lấy tiền phường của chị để trả cho chị H. Nay chị xác định vẫn còn nợ tiền chị H, nhưng do làm ăn thua lỗ, kinh tế khó khăn nên chị chỉ nhất trí trả cho chị H 380.000.000đ tiền gốc và không tính lãi suất nữa. Chị H xác định không đưa chị Lương Thị N; trú tại cầu Ca, xã Kha Sơn, huyện Phú B đến nhà chị Thìn để chơi phường và cũng chưa bao giờ nhận tiền phường của chị N. Ngày 10/11/2022, Tòa án nhân dân huyện Phú B đã tiến hành làm việc tại UBND xã Kha Sơn, huyện Phú B về việc công dân Lương Thị N có đăng ký hộ khẩu và cư trú tại Cầu Ca, xã Kha Sơn, huyện Phú B không. Sau khi tra cứu hồ sơ đăng ký hộ khẩu được lưu trữ tại Công an xã Kha Sơn, huyện Phú B đã xác định: Không có công dân nào có tên Lương Thị N đăng ký hộ khẩu tại xã Kha Sơn. Nên Hội đồng xét xử xác định việc chị Thìn nói chị N có nhận tiền phường của chị, sau đó mang trả cho chị H

là không có căn cứ vì chị Thìn không đưa được tài liệu, chứng cứ nào xác định chị H nhận tiền do chị N trả thay cho chị Thìn. Nên bác yêu cầu này của chị Thìn, nếu sau này chị Thìn đưa ra được các tài liệu chứng cứ nộp tiền phưởng cho chị Lương Thị N, để chị N trả tiền cho chị H thay cho chị, chị Thìn có quyền khởi kiện chị H bằng một vụ án Dân sự khác tại Tòa án.

Hội đồng xét xử xác định: Việc Chị Nguyễn Thị T vay tiền của chị H là có thật, chị Thìn đã vi phạm về thời hạn trả nợ đối với chị H. Nên buộc chị Thìn phải trả lại cho chị H toàn bộ số tiền gốc đã vay ngày 03/9/2016.

[5]. Về lãi suất: Tại phiên tòa ngày hôm nay, chị H đề nghị Hội đồng xét xử buộc chị Thìn phải trả cho chị lãi suất theo quy định của pháp luật từ tháng 10/2016 đến thời điểm giải quyết. Hội đồng xét xử thấy đề nghị của chị H là có căn cứ chấp nhận, do đó chấp nhận đề nghị này của chị H, cụ thể như sau:

$380.000.000\text{đ tiền gốc} \times 0.85\%/tháng \times 74\text{ tháng} = 239.020.000\text{đ tiền lãi.}$

$380.000.000\text{đ tiền gốc} + 239.020.000\text{đ tiền lãi} = 619.020.000\text{ đồng.}$

[6]. Về án phí: Buộc Chị Nguyễn Thị T phải nộp án phí Dân sự sơ thẩm vào Ngân sách nhà nước, hoàn trả cho chị H số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú B.

[7]. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn luật định.

**Vì các lẽ trên:**

### **QUYẾT ĐỊNH**

Áp dụng khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, 39, 147, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, 357, 468 của Bộ luật dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

#### **Tuyên xử:**

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Chị Ngô Thị H: Buộc Chị Nguyễn Thị T phải có trách nhiệm trả cho H số tiền cả gốc và lãi là 619.020.000 (Sáu trăm mười chín triệu, không trăm hai mươi ngàn đồng). Trong đó số tiền gốc là 380.000.000đ, tiền lãi là 239.020.000đ.

2. Về nghĩa vụ thi hành án: Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, Chị Ngô Thị H có đơn yêu cầu thi hành án, nếu Chị Nguyễn Thị T không tự nguyện thi hành số tiền trên, thì lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của BLDS; Nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ Luật dân sự.

### 3. Về án phí Dân sự sơ thẩm:

- Chị Nguyễn Thị T phải nộp 28.760.800 đồng án phí DSST có giá ngạch nộp vào ngân sách Nhà nước.

- Chị Ngô Thị H được hoàn trả lại số tiền 9.500.000đ tiền tạm ứng án phí DSST đã nộp theo biên lai thu số 0002918 ngày 04/10/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú B.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt hai bên đương sự, báo cho biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

#### **Nơi nhận:**

- Tòa án ND tỉnh TN;
- VKSND tỉnh TN;
- VKSND huyện Phú B;
- THADS huyện Phú B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**Phạm Quang Thái**